

Số: 295/2019/QĐST-HNGĐ

Long Biên, ngày 20 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2000;
- Căn cứ Điều 214, Điều 219 Bộ luật dân sự 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.
- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **169/2019/TLST-HNGĐ** ngày 08 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Phạm Ngọc T – sinh năm 1966

Địa chỉ: số 18/135 N, P. N1, Long Biên, Hà Nội

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh T1 – sinh năm 1967

Địa chỉ: số 18/135 N, P. N1, Long Biên, Hà Nội

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ L- Người đại diện theo pháp luật là chị Nguyễn Thị Thanh T1

Địa chỉ: số 18/135 N, P. N1, Long Biên, Hà Nội

2. Cháu Phạm Thùy T2, sinh năm 2004. Giám hộ hợp pháp là chị Nguyễn Thị Thanh T1.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 thống nhất xác định nhà

đất tại số 18 ngõ 135 N, tổ 9, phường N1, quận Long Biên, thành phố Hà Nội bao gồm diện tích đất 88,5m² tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 330-9 phường N1, quận Long Biên, thành phố Hà Nội (Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 832360 ngày 04/2/2010) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất là căn nhà có diện tích xây dựng theo số liệu đo vẽ theo Hồ sơ kỹ thuật số 349- ĐCTL/2019/HSKT ngày 29/3/2019 do công ty cổ phần địa chính Thăng Long thực hiện là tài sản chung của vợ chồng anh chị trong thời kỳ hôn nhân.

2.2. Thỏa thuận xác định giá trị tài sản trên là 15.360.000.000 đồng (Mười lăm tỷ, ba trăm sáu mươi triệu đồng).

2.3. Thỏa thuận chia tài sản nêu trên theo tỷ lệ 50/50, mỗi người được chia là 7.680.000.000 (Bảy tỷ, sáu trăm tám mươi triệu) đồng.

2.4. Anh T xác định còn nợ chị T1 khoản tiền 4.180.000.000 đồng (Bốn tỷ, một trăm tám mươi triệu đồng) và đề nghị trừ vào phần tài sản mà anh được chia, số tiền anh sẽ được nhận là 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm triệu đồng).

2.5. Anh chị thống nhất như sau:

- Chị Nguyễn Thị Thanh T1 cam kết thanh toán tiền phân chia tài sản chung cho anh Phạm Ngọc T là 3.500.000.000 (Ba tỷ năm trăm triệu đồng) trong thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 07/5/2019 cho đến hết ngày 23/6/2019 là dứt điểm.

- Chị Nguyễn Thị Thanh T1 được toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 88,5m² tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 330-9 phường N1, quận Long Biên, thành phố Hà Nội (Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 832360 ngày 04/2/2010) và được toàn quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất là căn nhà có diện tích xây dựng theo số liệu đo vẽ theo Hồ sơ kỹ thuật số 349- ĐCTL/2019/HSKT ngày 29/3/2019 do công ty cổ phần địa chính Thăng Long thực hiện. Địa chỉ nhà đất tại số 18 ngõ 135 đường N, tổ 9, phường N1, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. (Có sơ đồ kỹ thuật thửa đất kèm theo).

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 mỗi người phải chịu **57.840.000 đồng** (Năm mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng) (Đã được giảm ½ do hòa giải thành) án phí dân sự chia tài sản chung.

Anh T phải nộp **54.002,090 đồng** (Năm mươi bốn triệu, không trăm linh hai nghìn, không trăm chín mươi đồng) tiền án phí dân sự về việc thanh toán nợ cho chị T1. Tổng cộng, anh T phải nộp **111.842.090đ** (Một trăm mười một triệu, tám trăm bốn mươi hai đồng, không trăm chín mươi đồng). Anh T đã nộp **46.000.000 đồng** (Bốn mươi sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 08/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, nay còn phải nộp tiếp **65.842.090 đồng** (Sáu mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi

hai nghìn, không trăm chín mươi đồng).

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì mà bên phải thi hành án không chịu thi hành thì bên phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất chậm thanh toán tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND Q.Long Biên;
- Chi cục THA DS Q.Long Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN